TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 822/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2022
V/v: "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang

2. Bà Võ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 300/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Võ Trúc G, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 56/32/16 (số cũ 56/30/10D) đường G, tổ 23, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số 1508/17/20/4A đường L, tổ 2, ấp 2, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Tô Minh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 56/32/16 (số cũ 56/30/10D) đường G, tổ 23, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Nguyễn Võ Trúc G có mặt tại phiên tòa, ông Tô Minh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 10/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Võ Trúc G trình bày:

Bà và ông Tô Minh T qua thời gian quen biết, tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 016, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2010). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, làm cho cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, căng thẳng. Mặt khác, do ông T theo tín ngưỡng tôn giáo lạ, không cho bà và các con bà thờ cúng tổ tiên và có những hành động trái với thuần phong mỹ tục Việt Nam, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đều biết, có hòa giải và bà đã nhiều lần khuyên bảo để giữ hạnh phúc gia đình, nhưng không kết quả, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên cả hai sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được vì cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng, từ năm 2015 đến nay không còn sinh hoạt vợ chồng. Nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Tô Minh T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Võ Trúc G xác định có 02 con chung tên Tô Thiên A, sinh ngày 27/12/2011 và Tô Thiên Á, sinh ngày 09/3/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ A và Á cho đến khi thành niên. Không yêu cầu ông Tô Minh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Võ Trúc G xác định tài sản chung là căn nhà số 56/32/16 (số cũ 56/30/10D) đường G, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 084614, số vào sổ cấp GCN: CH 00156 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2015). Theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 4401221/CT-TV ngày 20/5/2022 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng thì căn nhà nêu trên có giá trị là 4.248.127.000 đồng, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị nhà. Bà yêu cầu được nhận nhà để ổn định chỗ ở cùng 02 con, bà hoàn trả 50% giá trị nhà cho ông T số tiền là 2.124.063.500 đồng. Đến ngày 25/8/2022, bà Nguyễn Võ Trúc G rút yêu cầu chia tài sản, để bà và ông T sẽ tự thỏa thuận để lại cho hai con.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Võ Trúc G xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ly hôn giữa bà và ông Tô Minh T không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Về phía bị đơn ông Tô Minh T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự nhiều lần, nhưng ông T không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/6/2022 và ngày 25/8/2022, ông Tô Minh T đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không lý do, nên không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Võ Trúc G trình bày:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2013, đến năm 2015 thì cả hai sống ly thân. Diễn biến mâu thuẫn của vợ chồng chỉ diễn ra trong nhà, không đưa ra địa phương giải quyết. Khi vợ chồng ly thân thì từ năm 2015 đến năm 2017 bà cư trú tại nhà cha mẹ ruột ở Bến Tre đến năm 2017 thì cư trú tại huyện N cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Tô Minh T.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 trẻ A và Á cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông Tô Minh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà rút yêu cầu chia đôi giá trị nhà, tự thỏa thuận với ông T để lại cho con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tô Minh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của bà G.

Về án phí: Bà G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Võ Trúc G và ông Tô Minh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Bà G và ông T đang cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Tô Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Về hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 016, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2010 thì hôn nhân giữa bà Nguyễn Võ Trúc G và ông Tô Minh T là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Võ Trúc G, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các Bản tự khai ngày 29/10/2021, ngày 11/11/2021, các Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 30/6/2022 và ngày 25/8/2022, bà Nguyễn Võ Trúc G đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay hơn 07 năm, hiện tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Việc mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra trong gia đình, không đưa ra địa phương giải quyết, bà và hai con phải đi thuê nhà ở nhiều nơi. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Hội Liên hiệp Phụ nữ phường P, Quận B xác định: "*không đến trình báo với Hội Liên hiệp Phụ nữ phường*". Theo kết quả xác minh tình trạng cư trú của Công an xã N, huyện N Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Nguyễn Võ Trúc G đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại Số 1508/17/20/4A đường L, tổ 2, ấp 2, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16/5/2022.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…*". Như vậy, có cơ sở xác định bà Nguyễn Võ Trúc G và ông Tô Minh T hiện đang ly thân, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Võ Trúc G là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Võ Trúc G xác định có 02 con chung tên Tô Thiên A, sinh ngày 27/12/2011 và Tô Thiên Á, sinh ngày 09/3/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 trẻ A và Á cho đến khi thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các Bản tự khai ngày 16/9/2022, trẻ Tô Thiên A và Tô Thiên Á đều trình bày nguyện vọng: "*Con ở với mẹ tại Nhà Bè từ năm 2017. Từ năm 2017 đến nay ba con Tô Minh T không đến*

thăm chị em con. Thường ngày chị em con ăn học đều do mẹ lo. Con có nguyện vọng ở với mẹ Nguyễn Võ Trúc G vì mẹ luôn quan tâm, chăm sóc lo cho chị em con ăn học". Xét đây là nguyện vọng chính đáng của trẻ A và trẻ Á, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời tránh để được những xáo trộn về mặt tâm lý và bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của hai trẻ, nên yêu cầu của bà G về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ A và Á cho đến khi thành niên là có cơ sở được chấp nhận.

[3.4] Về cấp dưỡng cho con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Võ Trúc G đều xác định không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Xét đây là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021, bà Nguyễn Võ Trúc G yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị tài sản chung là căn nhà số 56/32/16 (số cũ 56/30/10D) đường G, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 084614, số vào sổ cấp GCN: CH 00156 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2015). Theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 4401221/CT-TV ngày 20/5/2022 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng thì căn nhà nêu trên có giá trị là 4.248.127.000 đồng. Bà G yêu cầu được nhận nhà để ổn định chỗ ở cùng hai con, bà hoàn trả 50% giá trị nhà cho ông T số tiền là 2.124.063.500 đồng. Đến ngày 25/8/2022, bà G rút yêu cầu chia đôi giá trị nhà và tại phiên tòa hôm nay, bà G cũng không yêu cầu chia tài sản. Xét thấy, việc rút yêu cầu chia tài sản chung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Võ Trúc G về chia đôi giá trị căn nhà nêu trên.

[3.6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Võ Trúc G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Võ Trúc G là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về tiền tạm ứng án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Võ Trúc G số tiền đã nộp là 21.000.000 đồng.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Võ Trúc G phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Võ Trúc G phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Võ Trúc G, ông Tô Minh T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 157, khoản 4 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227. khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Võ Trúc G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Võ Trúc G được ly hôn ông Tô Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 016, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2010).

- Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Tô Thiên A, sinh ngày 27/12/2011 và Tô Thiên Á, sinh ngày 09/3/2014 cho bà Nguyễn Võ Trúc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông Tô Minh T cấp dưỡng cho con.

Ông Tô Minh T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, và giáo dục con chung. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Võ Trúc G về chia đôi giá trị căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số 56/32/16 (số cũ 56/30/10D) đường G, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 084614, số vào sổ cấp GCN: CH 00156 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2015) do bà bà Nguyễn Võ Trúc G rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Võ Trúc G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Võ Trúc G chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (21.300.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2019/0042628 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Võ Trúc G số tiền đã nộp là 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0042628 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Võ Trúc G phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng, theo Phiếu thu số 03 ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận 7. Bà G đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Võ Trúc G phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng, theo phiếu thu số PTNHTCB22-12-21 ngày 16/12/2021 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng. Bà G đã nộp đủ chi phí định giá tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Võ Trúc G được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Tô Minh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thạnh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường P, quận T, TP.HCM (GCNKH số 16, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 23/01/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (*TK Hà Trang*).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA